

Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam

Đoàn Ngọc Xuân*

*Tòa phúc thẩm, Tòa án Nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,
124 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh*

Nhận ngày 02 tháng 10 năm 2010

Tóm tắt. Bài viết phân tích khái niệm, nội dung và ý nghĩa của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong Luật hình sự Việt Nam, trên cơ sở này, tác giả cho rằng, pháp chế xã hội chủ nghĩa không chỉ là nguyên tắc Hiến định, mà còn là nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất trong Luật hình sự nước ta.

1. Khái niệm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam

Dưới góc độ chung nhất, nguyên tắc của mỗi ngành luật là những tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt trong quá trình xây dựng và áp dụng của ngành luật đó. Nội dung của các nguyên tắc trong mỗi ngành luật bất kỳ trong hệ thống pháp luật phụ thuộc vào đối tượng điều chỉnh của ngành luật đó. Do đó, nếu đối tượng điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam là những quan hệ xã hội phát sinh giữa hai chủ thể quan trọng và có quyền, nghĩa vụ nhất định là Nhà nước và người phạm tội, thì nguyên tắc của luật hình sự phải bảo đảm quyền lợi của Nhà nước và phản ánh bản chất của chế độ, cũng như bảo đảm quyền lợi của người phạm tội. Nói một cách khác, cần phải bảo đảm lợi ích - "... giữa một bên là chế độ Nhà nước, chế độ xã hội, trật tự pháp luật, tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân với một bên là kẻ đã xâm hại chúng..." [1].

Để có thể làm sáng tỏ khái niệm nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa (XHCN), trước hết cần làm rõ khái niệm nguyên tắc.

Thuật ngữ "nguyên tắc" bắt nguồn từ tiếng La tinh là "principium" có ba nghĩa: 1) Luận điểm cơ bản, luận điểm gốc của học thuyết nào đó; tư tưởng chỉ đạo của quy tắc hoạt động; 2) Niềm tin, quan điểm đối với sự vật và chính quan điểm, niềm tin đó xác định quy tắc hành vi; 3) Nguyên lý cấu trúc và hoạt động của bộ máy dụng cụ thiết bị nào đó. Còn nguyên tắc, theo các Từ điển Tiếng Việt, được hiểu là "quy tắc chung" [2] hay là "điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loại việc làm" [3]. Trong khi đó, theo GS. TSKH. Lê Văn Cẩm khái niệm nguyên tắc cơ bản của luật hình sự (một nguyên tắc - tác giả) được hiểu "là tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản được thể hiện trong pháp luật hình sự, cũng như trong việc giải thích và trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự thông qua một hay nhiều quy phạm hoặc chế định của nó" [4]; hay các nguyên tắc của luật hình sự cũng có thể được hiểu "là những tư tưởng chỉ đạo và các định hướng đường lối cho toàn bộ quá trình quy định tội

* ĐT: 84-0903940771
E-mail: Email: ngocxuan@yahoo.com

phạm và hình phạt, áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử. Các nguyên tắc đó phản ánh nhu cầu khách quan và các đòi hỏi chủ quan của quá trình đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta trong từng giai đoạn cụ thể” [1].

Vấn đề tiếp theo cần làm sáng tỏ là pháp chế XHCN. Về nội dung này, trước đây, trong các tác phẩm của mình, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề cập pháp chế. C. Mác và Ph. Ăngghen đã coi pháp chế như là sự tuân thủ luật của những người tham gia các quan hệ xã hội. V.I. Lênin sau đó đã cụ thể hóa quan điểm trên của C. Mác và Ph. Ăngghen, chỉ ra bản chất, ý nghĩa, tính tất yếu khách quan phải tăng cường pháp chế XHCN, các nguyên tắc, phương pháp và hình thức bảo đảm pháp chế XHCN. Tư tưởng về pháp chế XHCN của V.I. Lênin đã được thể hiện rõ ràng trong Sắc lệnh tháng Mười do Người trực tiếp soạn thảo, theo đó, phải tuân theo từng ly, từng tí những luật lệ và mệnh lệnh của chính quyền Xô viết và đôn đốc mọi người tuân theo, điều quan trọng không chỉ là ở chỗ các đạo luật được ban hành đáp ứng sự phát triển của xã hội và các đòi hỏi của quần chúng nhân dân lao động, mà điều chủ yếu hơn là đưa các đạo luật vào cuộc sống, làm cho nó được tuân thủ một cách chính xác, triệt để. Tư tưởng về pháp chế XHCN, về sau, đã được tiếp thu chọn lọc và vận dụng vào trong pháp luật của các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Còn trong Từ điển Tiếng Việt, hiểu một cách đơn giản, pháp chế là: “1) Chế độ trong đó đời sống và hoạt động xã hội được bảo đảm bằng pháp luật; 2) Hệ thống luật lệ của Nhà nước, nói chung, hoặc hệ thống luật lệ áp dụng trong một ngành nhất định” [3] và pháp luật là “tổng hợp các quy tắc xử sự có tính bắt buộc do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế” [3].

Pháp chế và pháp luật có mối quan hệ mật thiết với nhau. Theo đó, pháp chế và pháp luật là hai phạm trù rất gần nhau, nhưng không phải là hai khái niệm đồng nhất. Nếu pháp luật là ý chí của giai cấp thống trị được đưa lên thành luật, xuất phát từ nhu cầu và điều kiện xã hội

thực tại của giai cấp đó, thì pháp chế là việc đưa ý chí đó vào cuộc sống, trở thành hiện thực và tạo ra được sức mạnh vật chất. Pháp luật chỉ có thể phát huy được hiệu lực của mình, điều chỉnh có hiệu quả các quan hệ xã hội khi dựa trên cơ sở vững chắc của nền pháp chế; và ngược lại, pháp chế chỉ có thể được củng cố và tăng cường khi có một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ và phù hợp để điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội này sinh trong thực tiễn. Mối quan hệ giữa pháp luật và pháp chế còn thể hiện ở chỗ - nếu có pháp luật mà không có pháp chế, thì pháp luật sẽ không đi vào được cuộc sống. Ngược lại, nếu chỉ có pháp chế nhưng không có hệ thống pháp luật đầy đủ, thì pháp chế cũng sẽ mất đi ý nghĩa vốn có của mình. Cho nên, pháp luật chính là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại của pháp chế. Đến lượt mình, pháp chế nói chung, pháp chế XHCN nói riêng lại tồn tại với tư cách là một trong các thành tố thiết yếu của việc xây dựng và thực hiện pháp luật.

Pháp chế XHCN cũng có mối quan hệ chặt chẽ với trật tự pháp luật XHCN. Trật tự pháp luật thể hiện mối quan hệ giữa con người với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội trên cơ sở tuân thủ và thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các mệnh lệnh thể hiện trong nội dung của các quy pháp pháp luật. Vì vậy, trật tự pháp luật là kết quả hoạt động của pháp chế XHCN trong đời sống xã hội. Pháp chế XHCN là khâu nối liền giữa pháp luật và trật tự pháp luật, là phương tiện để giữ vững pháp luật, củng cố trật tự pháp luật, trật tự pháp luật đến lượt mình lại tạo điều kiện bảo đảm pháp chế XHCN. Bất cứ sự vi phạm trật tự pháp luật nào cũng đồng thời vi phạm pháp chế XHCN. Do đó, để làm tốt điều này, trước tiên phải xây dựng được hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, bảo đảm Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN. Bởi lẽ, “pháp chế như là tính thiêng liêng của pháp luật, tính bền vững của các quy phạm pháp lý... Pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật...” [5].

Cụ thể hóa những nội dung này, trong pháp luật Việt Nam, nguyên tắc pháp chế XHCN được là nguyên tắc cơ bản trong toàn bộ hoạt động của Nhà nước và được quy định trong Điều 12 Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001): “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật”.

Như vậy, với tính chất là một nguyên tắc Hiến định và của pháp luật, pháp chế XHCN luôn luôn giữ vai trò chỉ đạo, định hướng cho toàn bộ cơ chế điều chỉnh pháp luật, có ảnh hưởng rất lớn tới ý thức pháp luật, trật tự pháp luật và văn hóa pháp lý trong xã hội. Ngoài ra, nguyên tắc pháp chế còn ảnh hưởng sâu sắc tới chất lượng và hiệu quả của pháp luật. Tuy vậy, trong mỗi ngành luật khác nhau, pháp chế lại có nội dung, yêu cầu cụ thể riêng và là nguyên tắc của ngành luật ấy. Pháp chế XHCN là một nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất trong luật hình sự Việt Nam. Lời nói đầu của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 đã xác định: “Trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, luật hình sự có vị trí rất quan trọng. Nó là một công cụ sắc bén của Nhà nước chuyên chính vô sản để bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống và phòng ngừa mọi hành vi phạm tội, góp phần hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN”. BLHS còn có nhiệm vụ “giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm” (Điều 1). Để thực hiện nhiệm vụ trên, BLHS quy định tội phạm và hình phạt áp dụng đối với người phạm tội.

Luật hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa

XHCN Việt Nam, bao gồm những hệ thống quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là các tội phạm, đồng thời quy định các hình phạt đối với những tội phạm đó. Chỉ có BLHS do Quốc hội ban hành mới quy định về tội phạm và hình phạt. Vì vậy, một yêu cầu rất quan trọng của nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự là Nhà nước phải xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật hình sự hoàn chỉnh để không một hành vi nguy hiểm nào cho xã hội bị coi là tội phạm không được quy định trong BLHS.

Nguyên tắc pháp chế XHCN đòi hỏi những hành vi bị coi là tội phạm và hình phạt áp dụng phải được quy định trong BLHS, chúng ta không chấp nhận việc một người bị kết án về một tội phạm không được quy định trong BLHS hiện hành. Khi tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có sự thay đổi, Nhà nước phải kịp thời bổ sung, sửa đổi các quy định tương ứng của BLHS để làm cơ sở pháp lý cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả.

Như vậy, trong lĩnh vực luật hình sự, nguyên tắc pháp chế XHCN xuyên suốt toàn bộ hoạt động lập pháp hình sự (xây dựng pháp luật), áp dụng pháp luật hình sự và giải thích pháp luật hình sự ở nước ta.

Một trong những yêu cầu quan trọng của nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự là việc xây dựng và áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất pháp luật hình sự trong thực tiễn. Nếu như yêu cầu của nguyên tắc pháp chế XHCN trong hoạt động lập pháp hình sự là: 1) Việc quy định đầy đủ các hành vi nguy hiểm cho xã hội là những tội phạm, không để sót được một hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm mà không được quy định trong BLHS, thì trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, yêu cầu của nguyên tắc pháp chế XHCN là việc áp dụng đúng đắn, đầy đủ các quy định của pháp luật hình sự đối với mỗi hành vi phạm tội xảy ra trong thực tiễn. Các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải phát hiện và truy cứu TNHS kịp thời và chính xác đối với mỗi

hành vi phạm tội và người thực hiện hành vi đó, bảo đảm không một hành vi phạm tội nào mà luật hình sự quy định đã xảy ra mà không bị phát hiện và xử lý một cách nghiêm minh để làm sao không để lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời không làm oan người vô tội, bảo đảm đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả cao nhất, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân được phản ánh đầy đủ; 2) Hình phạt mà Tòa án tuyên đối với người phạm tội phải phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và phù hợp với các quy định trong BLHS; 3) Mọi trường hợp tuyên hình phạt quá nặng hay quá nhẹ, áp dụng không đúng và không chính xác các quy định của BLHS so với hành vi phạm tội đều là sự vi phạm nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự.

Như vậy, yêu cầu của nguyên tắc pháp chế XHCN không chỉ xuyên suốt trong hoạt động lập pháp hình sự mà còn xuyên suốt trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự, đòi hỏi sự triệt để tuân thủ pháp luật hình sự một cách nghiêm chỉnh và thống nhất của các cơ quan nhà nước, mà trước hết là các cơ quan có chức năng, chuyên trách có nhiệm vụ đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm, sau đó là các cơ quan, tổ chức và mọi công dân trong xã hội.

Từ sự phân tích ở trên, có thể đưa ra khái niệm nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam như sau: Nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam là những tư tưởng chủ đạo, cơ bản mang tính xuất phát điểm về sự triệt để tuân thủ pháp luật hình sự một cách nghiêm chỉnh và thống nhất của các cơ quan nhà nước, mà trước hết là các cơ quan có chức năng có nhiệm vụ đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, các cơ quan, tổ chức xã hội và mọi công dân trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật hình sự. Hay nói một cách ngắn gọn, nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam là những tư tưởng về sự tuân thủ pháp chế được thể hiện trong việc xây dựng pháp luật hình sự, cũng như trong giải thích và trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự của nước ta.

2. Nội dung nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam

Trong luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc pháp chế XHCN phản ánh những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, tội phạm và hình phạt, cũng như các chế tài pháp lý hình sự (hay các biện pháp cưỡng chế về hình sự) chỉ và phải do BLHS quy định. Luật hình sự Việt Nam xuất phát từ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức và công dân mà quy định tội phạm chỉ và phải được quy định trong BLHS, mà không thể được quy định trong các văn bản pháp luật khác. Việc quy định tội phạm, loại bỏ một tội phạm ra khỏi luật hình sự, sửa đổi nội dung một tội phạm phải được tiến hành bằng cách thức hợp pháp tức là phải do Quốc hội quyết định trong BLHS. Không một cơ quan nhà nước nào khác ngoài Quốc hội có quyền quy định tội phạm và hình phạt. “Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS”. Theo đó, quy định cơ sở của TNHS đã nêu chính là thể hiện các nguyên tắc pháp chế XHCN và công bằng trong luật hình sự nước ta. Với pháp chế, - chính là sự thể hiện cơ sở duy nhất, rõ ràng và dứt khoát nội dung “... phạm một tội đã được BLHS quy định...” của TNHS, còn với công bằng, - có nghĩa bảo đảm sự bình đẳng ngang nhau trong đánh giá hành vi phạm tội của những người phạm tội, bình đẳng trước pháp luật đối với tất cả mọi người với nội dung “người nào...” có nghĩa không trừ một ai trong xã hội [6]. Về điều này, C. Mác đã viết: “... dưới con mắt của kẻ phạm tội, sự trừng phạt phải là kết quả tất yếu của hành vi do chính người đó - do đó phải là hành vi của chính người đó. Giới hạn của y phải là giới hạn của sự trừng phạt...” [7].

Bên cạnh đó, quy định này không chấp nhận việc áp dụng pháp luật tương tự trong lĩnh vực hình sự, theo đó - áp dụng tương tự trong lĩnh vực hình sự bao gồm: áp dụng tương tự quy phạm pháp luật hình sự và áp dụng tương tự pháp luật hình sự [8]. Áp dụng tương tự pháp luật hình sự là dựa vào các nguyên tắc chung

của luật hình sự và ý thức pháp luật XHCN để truy cứu TNHS một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhưng chưa có luật quy định và không tương tự với một tội phạm nào đó đã được luật hình sự quy định. Áp dụng tương tự quy phạm pháp luật hình sự là căn cứ vào quy phạm quy định một tội phạm để xử lý một hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa được quy định là tội phạm, nhưng tương tự với tội phạm đã được quy định trong quy phạm đó. Không áp dụng pháp luật tương tự trong lĩnh vực hình sự là yêu cầu của nguyên tắc pháp chế XHCN, bảo đảm cho pháp luật hình sự được áp dụng thống nhất. Đó cũng là một tiêu chuẩn của luật hình sự văn minh, tiên bộ và dân chủ.

Quy định này vừa bảo đảm tính thống nhất của pháp luật hình sự, vừa chống sự tùy tiện trong quy định tội phạm và hình phạt, vừa có ý nghĩa không để bất kỳ một cơ quan, người nào ngoài những cơ quan, người có thẩm quyền theo qui định của Hiến pháp và pháp luật, có thể tùy tiện quy kết TNHS cho người dân. Mặt khác, quy định trên là sự bảo đảm hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện công tác điều tra, truy tố xét xử một người phạm tội phải đúng pháp luật hình sự hiện hành. Nguyên tắc pháp chế XHCN đòi hỏi không một tội phạm nào tránh khỏi sự phát hiện và xử lý theo pháp luật hình sự, truy cứu TNHS phải đúng người, đúng tội, hình phạt do Tòa án quyết định đối với người phạm tội phải phù hợp và trong giới hạn do luật hình sự quy định. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng phải căn cứ vào các quy định của luật hình sự. Nói một cách khác, việc quản lý xã hội theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN được thể hiện trong nội dung của nguyên tắc này khi xác định tội phạm và hình phạt trong luật hình sự. Nguyên tắc pháp chế còn đòi hỏi sự chính xác và thống nhất trong việc áp dụng luật hình sự, trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và áp dụng như nhau, không phân biệt các đặc điểm cá nhân của người phạm tội. Do đó, pháp luật hình

sự cần phải xác định rõ ràng các tiêu chí để phân biệt - một hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm với hành vi không vi phạm pháp luật và không phải là tội phạm.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội là kết quả hoạt động của con người, nó hoàn toàn khác với tác động của tự nhiên cũng có thể dẫn tới nguy hại cho xã hội. Hành vi này xâm hại đến những quan hệ xã hội quan trọng được luật hình sự xác lập và bảo vệ, gây ra những thiệt hại nhất định cho những quan hệ đó. Vì vậy, tính nguy hiểm cho xã hội - đó là dấu hiệu vật chất khách quan của hành vi, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người làm luật [4], vấn đề là người làm luật nhận thức đúng và ghi nhận nó trong luật. Tính nguy hiểm cho xã hội còn là đặc trưng chung của các hành vi vi phạm pháp luật như vi phạm hành chính, vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật hình sự. Sự khác nhau giữa các loại hành vi đó chỉ là mức độ nguy hiểm cho xã hội. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cao nhất trong số các loại hành vi đó.

Ngoài ra, để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phải căn cứ vào thái độ chủ quan và điều kiện hoàn cảnh khách quan khi thực hiện hành vi xâm hại đến lợi ích xã hội, cũng như căn cứ vào nhân thân người phạm tội, tầm quan trọng của các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ và hậu quả gây ra. Việc xem xét một cách khách quan, toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi là cơ sở để đánh giá mức độ nghiêm trọng của một hành vi phạm tội để trên cơ sở đó cá thể hóa TNHS được đúng đắn và chính xác. Nếu hành vi phạm tội gây thiệt hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ như an ninh quốc gia, tính mạng, sức khỏe, danh dự... và được thực hiện một cách có lỗi, thì người phạm tội phải bị truy cứu TNHS. Còn nếu hành vi có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác (khoản 4 Điều 8 BLHS). Do đó, đúng như GS.TS. Võ Khánh Vinh đã viết: "Tiêu chuẩn cơ bản của việc phân biệt tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật

khác là mức độ của tính nguy hiểm cho xã hội của loại vi phạm pháp luật đó, bởi vì tính nguy hiểm cho xã hội là dấu hiệu vật chất của mọi sự vi phạm, còn mức độ nguy hiểm là đặc tính khách quan tương ứng với từng loại vi phạm pháp luật. Đó là điều khác biệt cơ bản dẫn đến sự phản ứng khác nhau của Nhà nước đối với từng loại vi phạm pháp luật” [9].

Mặc dù tội phạm đều là những hành vi có tính chất nguy hiểm cho xã hội đáng kể, nhưng mỗi hành vi phạm tội cụ thể có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất khác nhau từ ít nghiêm trọng đến đặc biệt nghiêm trọng. Ngoài ra, mỗi hành vi phạm tội cụ thể không những có sự khác nhau về nguyên nhân và điều kiện phát sinh, về tính chất của các quan hệ xã hội mà nó xâm hại đến, mà còn có sự khác nhau ở mức độ nguy hiểm cho xã hội của hậu quả do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra và các tình tiết khách quan và chủ quan khác.

Đối với người thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm, so với những người thực hiện hành vi được quy định trong văn bản pháp luật khác, người phạm tội sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất, đó là chế tài pháp lý hình sự. Chế tài pháp lý hình sự được hiểu là bộ phận của quy phạm pháp luật hình sự, nêu lên những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất mà Nhà nước dự kiến áp dụng đối với người phạm tội.

Chế tài pháp lý hình sự có mối quan hệ chặt chẽ với hành vi phạm tội và TNHS, bởi lẽ việc thực hiện hành vi phạm tội là cơ sở để truy cứu TNHS và (có thể) áp dụng chế tài pháp lý hình sự. Trong BLHS, chế tài pháp lý hình sự được thể hiện dưới hình thức các hình phạt và những biện pháp cưỡng chế về hình sự khác như: các biện pháp tư pháp hình sự (chung và riêng) và miễn hình phạt. Mức độ nghiêm khắc của hình phạt được quy định trong BLHS phụ thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tội phạm càng nghiêm trọng thì hình phạt càng nghiêm khắc. Sự đa dạng và nhiều cấp độ về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đòi hỏi phải có nhiều loại

hình phạt với mức độ nghiêm khắc khác nhau, bảo đảm tính chính thể và hoàn chỉnh. Do đó, nguyên tắc pháp chế đòi hỏi việc quy định các loại và mức độ hình phạt phải chính xác, cụ thể, phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Để đáp ứng nguyên tắc này đòi hỏi các nhà làm luật phải quy định các loại hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Việc áp dụng hình phạt và những biện pháp pháp lý hình sự khác có liên quan trực tiếp đến quyền tự do cá nhân của công dân đã được Hiến pháp năm 1992 quy định, cho nên yêu cầu phải được quy định điều kiện, đối tượng, phạm vi... chặt chẽ. Nếu những hành vi bị coi là tội phạm chỉ và phải do BLHS quy định, thì hình phạt và những biện pháp cưỡng chế về hình khác được áp dụng đối với người phạm tội cũng chỉ và phải do BLHS quy định. Tuân thủ nghiêm chỉnh và thực hiện tốt điều này mới thể hiện nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam.

Hai là, nguyên tắc pháp chế XHCN thể hiện ở nội dung người phạm tội được hưởng những quyền và phải thực hiện những nghĩa vụ do pháp luật quy định. Luật hình sự có chức năng bảo vệ các quan hệ xã hội quan trọng thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và trật tự xã hội. Quy định phạm vi những hành vi nguy hiểm cho xã hội là các tội phạm và danh mục các hình phạt đối với các tội phạm, luật hình sự thực hiện chức năng của mình bằng cách điều chỉnh các quan hệ xã hội giữa Nhà nước và người phạm tội xuất hiện khi tội phạm được thực hiện. Luật hình sự không điều chỉnh các quan hệ xã hội hình thành trong những lĩnh vực hoạt động khác nhau của đời sống xã hội (như quan hệ tài sản, hôn nhân và gia đình, quan hệ kinh tế, lao động; v.v...), vì đó là đối tượng điều chỉnh của các ngành luật khác, nhưng thông qua việc điều chỉnh các quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của mình, luật hình sự góp phần tạo những điều kiện thuận lợi cho các quan hệ đó phát triển, bảo vệ chúng khỏi sự xâm hại của tội phạm.

Trong quan hệ pháp luật hình sự, có hai chủ thể với quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý khác nhau, nhưng liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là một chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự. Nhà nước tham gia quan hệ này thông qua các cơ quan chuyên môn của mình là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Nhà nước thực hiện quyền điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội, buộc người phạm tội phải chịu TNHS và hình phạt theo quy định của luật hình sự về tội phạm mà họ đã thực hiện. Nhà nước có thẩm quyền xử lý người phạm tội, nhưng phải có nghĩa vụ chỉ được xử lý dựa trên các căn cứ và trong các giới hạn do pháp luật quy định, còn người phạm tội có nghĩa vụ phải chịu sự tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do nhất định, nhưng họ cũng có quyền yêu cầu sự tuân thủ từ phía Nhà nước đối với các quyền và lợi ích của con người và của công dân theo đúng các quy định của pháp luật [4].

Với tư cách là người thực hiện công lý xã hội, Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm sự tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội.

Nghiên cứu quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật tố tụng hình sự cho thấy, chúng xuất hiện vào những thời điểm khác nhau, bởi lẽ khi tội phạm được thực hiện, thì tại thời điểm đó xuất hiện quan hệ pháp luật hình sự, nhưng lại chưa xuất hiện quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, do chưa tiến hành hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đối với vụ án hình sự (sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự là chính sự kiện phạm tội, còn sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng hình sự là việc xác định có dấu hiệu của tội phạm của cơ quan có thẩm quyền). Khi vụ án chưa được điều tra, làm rõ, thì chưa thể xác định tội phạm có xảy ra hay không và nếu xảy ra thì ai là người phạm tội, thời gian, địa điểm phạm tội và các tình tiết khác có liên quan đến tội phạm, nói cách khác chưa xác định được có quan hệ pháp luật hình sự hay không và nếu có thì bản chất của mối quan hệ này là gì? Điều đó có nghĩa, quan hệ pháp luật tố tụng hình sự phát sinh và

phát triển là nhằm mục đích làm sáng tỏ có quan hệ pháp luật hình sự hay không và việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự, hạn chế quyền tự do cá nhân của một số người tham gia tố tụng hình sự, cũng là nhằm mục đích làm sáng tỏ quan hệ pháp luật hình sự đó.

Thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đã chứng minh không ít trường hợp người bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế, hạn chế quyền tự do cá nhân oan, tức là quan hệ giữa những người này với Nhà nước không phải là quan hệ pháp luật hình sự như lúc đầu một số cơ quan chức năng đã ngộ nhận, mà chủ thể của mối quan hệ này là người khác với Nhà nước. Cũng không ít trường hợp, trên thực tế không có tội phạm xảy ra, nhưng cơ quan chức năng vẫn ngộ nhận là có quan hệ pháp luật hình sự. Trong các trường hợp kể trên, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng được coi là chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, nhưng lại không xác định được quan hệ pháp luật hình sự. Ngoài ra, không ít trường hợp, có thể bị can thực sự phạm tội, nói một cách khác chính người đó là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, nhưng việc đó phải do Tòa án có thẩm quyền xác định bằng bản án có hiệu lực pháp luật như quy định tại Điều 72 Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) của nước ta: “Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” và quy định tại Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: “Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”. Điều đó có nghĩa, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự là chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, nhưng có thể không phải là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự. Bị can, bị cáo chỉ được coi là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự khi đối với người đó có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; trong trường hợp chưa có bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thì theo nguyên tắc suy đoán vô tội đã được thừa nhận chung, bị can, bị cáo được coi là chưa có tội. Với những trường hợp bị can, bị cáo được Tòa án tuyên là

vô tội, tức là không có quan hệ pháp luật hình sự xảy ra, thì phải coi đây là biểu hiện của công lý XHCN đã được thực hiện trên thực tế [10]. Vì lẽ đó, chúng tôi đồng tình với quan điểm của một tác giả người Nga: “Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự chưa phải là chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, bởi lẽ quan hệ này đang được điều tra, làm rõ” [11].

Đặc biệt, nội dung này của nguyên tắc pháp chế XHCN còn thể hiện: những người phạm tội đã được miễn TNHS [12] hoặc không bị truy cứu TNHS do hết thời hiệu; người bị kết án đã được miễn hình phạt hoặc không phải chấp hành bản án do hết thời hiệu; người đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích theo các quy định của BLHS, có các quyền và nghĩa vụ không bị hạn chế so với các công dân khác, nếu BLHS không có quy định khác; v.v... [4].

Ba là, việc thực hiện TNHS phải trên cơ sở tuân thủ, áp dụng nghiêm chỉnh và thống nhất các quy phạm pháp luật hình sự. Cơ sở của TNHS trước hết phải là căn cứ chung, cần thiết, có tính chất bắt buộc, dựa trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền mới có thể truy cứu TNHS người thực hiện tội phạm, bởi lẽ TNHS là sự phản ứng của Nhà nước đối với hành vi cụ thể nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự và có lỗi tức là tội phạm. Ở đâu có tội phạm, thì ở đó có TNHS, không có tội phạm thì không có TNHS, điều này thể hiện mối liên quan chặt chẽ, hữu cơ giữa hai phạm trù pháp lý quan trọng là tội phạm và TNHS.

Ngoài ra, cơ sở TNHS nhất thiết phải được quy định rõ trong pháp luật hình sự. Điều này thể hiện quan điểm pháp lý tiên bộ là TNHS chỉ có thể được áp dụng đối với người thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm, không ai phải chịu TNHS, nếu hành vi mà người đó thực hiện không được BLHS quy định là tội phạm. Hành vi nguy hiểm cho xã hội được coi là tội phạm, nếu như nó thỏa mãn các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm được quy định trong đạo luật hình sự. Do đó, cơ sở pháp lý của TNHS chính là là cấu thành tội phạm. Cấu thành tội phạm là hệ thống các dấu hiệu cần và

đủ cho việc thừa nhận rằng người nào đã thực hiện một tội phạm và phải bị truy cứu TNHS. Thiếu bất kỳ một yếu tố nào trong cấu thành tội phạm, các cơ quan tư pháp hình sự không đủ căn cứ để truy cứu TNHS.

3. Ý nghĩa của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự Việt Nam

Nguyên tắc pháp chế XHCN có ý nghĩa rất quan trọng trong luật hình sự Việt Nam thể hiện ở chỗ:

Một là, nguyên tắc pháp chế XHCN góp phần cụ thể hóa trong BLHS nguyên tắc hiến định của Điều 12 Hiến pháp năm 1992: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN”, mà còn phù hợp với tư tưởng tiên bộ của nhân loại: “Nullum crimen, nulla poena sine lege” (Không có tội phạm, không có hình phạt, nếu điều đó không được luật quy định). Nguyên tắc pháp chế XHCN còn phù hợp với điểm 2 Điều 11 Tuyên ngôn nhân quyền ngày 10/12/1948 và khoản 1 Điều 15 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị ngày 16/12/1996 mà Việt Nam đã gia nhập và cam kết thực hiện, trong đó không thừa nhận áp dụng pháp luật tương tự trong lĩnh vực hình sự, vì điều đó có thể dẫn đến tình trạng tùy tiện, xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân [4].

Hai là, nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam là cơ sở khoa học và pháp lý cho các cơ quan lập pháp và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong thực tiễn áp dụng. Cụ thể, nguyên tắc này không những là cơ sở khoa học để các cơ quan lập pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định trong BLHS cho phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà còn là cơ sở pháp lý và thực tiễn để các cơ quan bảo vệ pháp luật tuân thủ thực hiện khi áp dụng các quy định của BLHS hiện hành trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, qua đó nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, cũng như yêu cầu giáo dục, cải tạo người phạm tội.

Ba là, nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam góp phần tạo cho đời sống xã hội có trật tự, kỷ cương cần thiết, bảo đảm cho hoạt động của toàn xã hội thống nhất, đồng bộ; mọi hành vi phạm tội và người phạm tội đều bị phát hiện, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Hoạt động phòng, chống tội phạm được thực hiện triệt để và có hiệu quả. Nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam còn góp phần hạn chế được hiện tượng chủ quan, tùy tiện của những người có thẩm quyền trong các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử; hạn chế được tình trạng xử lý người phạm tội tùy thuộc vào suy nghĩ mang tính chủ quan, tâm trạng và tính cách của người có thẩm quyền. Thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế XHCN còn góp phần bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự được thống nhất, nhịp nhàng, đồng bộ, phát huy được hiệu lực của Nhà nước, bảo đảm công lý và công bằng xã hội. Khoản 1 Điều 4 BLHS năm 1999 quy định: “Các cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thi hành đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, công dân đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng”.

Nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam còn góp phần đề cao trách nhiệm của các cơ quan tư pháp hình sự trong việc phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo quyết liệt và sâu sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch và chương trình hành động phòng, chống tội phạm, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức cho mọi cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành đoàn thể đưa hoạt động phòng, chống tội phạm thực sự đi vào cuộc sống, trở thành hành động thiết thực trong phòng, chống tội phạm, đưa nội dung phòng ngừa tội phạm vào hoạt động thường xuyên của các cấp, các ngành, đoàn thể. Gắn các biện pháp có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm với các

chương trình phát triển kinh tế xã hội, văn hóa và các công tác lớn của địa phương, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong hoạt động quản lý của mình. Qua đó, nguyên tắc pháp chế XHCN góp phần đưa hoạt động phòng, chống tội phạm chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trên các lĩnh vực nhằm kiềm chế tốc độ gia tăng của tội phạm, từng bước làm giảm tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự xã hội.

Bốn là, nguyên tắc pháp chế XHCN còn góp phần nâng cao ý thức của tổ chức, công dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đấu tranh phòng, chống tội phạm là sự nghiệp của toàn dân. Cơ quan, tổ chức và công dân có trách nhiệm, nghĩa vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm theo quy định của pháp luật. Theo đó, chúng ta cần phải “tạo ra bầu không khí không khoan nhượng đối với tất cả những người vi phạm pháp luật, những người vi phạm các quy tắc sinh hoạt công cộng, các quy tắc đạo đức, khích lệ, động viên dư luận xã hội lên án những hành vi đó... tiến hành các hoạt động tích cực và có định hướng mục đích đến việc hình thành các nhu cầu, lợi ích đúng đắn của cá nhân” [13]. Cụ thể hóa điều này, Điều 11 Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định: “Công dân thực hiện quyền làm chủ của mình ở cơ sở bằng cách tham gia công việc của Nhà nước và xã hội, có trách nhiệm bảo vệ của công, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội”. Để đề cao vai trò trách nhiệm của mỗi người dân trong phòng ngừa tội phạm, trước hết cần đẩy mạnh tuyên truyền ý thức cộng đồng, nghĩa vụ công dân trong phòng ngừa tội phạm. Thông qua giáo dục ý thức cộng đồng làm cho mỗi người dân hiểu rõ nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mình trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng cuộc sống yên vui, lành mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Mọi người công dân, bất kỳ già trẻ, gái trai, bất kỳ làm việc gì, đều có nhiệm vụ giúp chính quyền giữ gìn trật tự an ninh, vì trật tự an ninh trực tiếp quan hệ đến lợi ích bản thân

mọi người. Mấy mươi vạn con mắt soi sáng, mấy mươi vạn lỗ tai nghe ngóng, thì bọn gian phi, côn đồ sẽ lòi mặt ra và sẽ phải cải tà quy chính dưới lực lượng to lớn của quần chúng” [14].

Trong phòng ngừa tội phạm, nguyên tắc pháp chế XHCN đòi hỏi mỗi công dân phải ý thức “vì mọi người, vì sự bình yên của cuộc sống cộng đồng”, mỗi người phải khắc phục thói ích kỷ, thờ ơ trước tình trạng kỷ cương, phép nước bị xâm phạm. Mọi người phải thấy được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong phòng, chống tội phạm trước hết từ bản thân và gia đình mình, từ đó có tinh thần cảnh giác bảo vệ lẫn nhau, mạnh dạn lên án những hành vi vi phạm pháp luật, tích cực phát hiện tố giác tội phạm. Đặc biệt, cách đây hơn 10 năm, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định phê duyệt Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm theo Quyết định số 138/NQ-TTg ngày 31/7/1998 với mục tiêu của Chương trình là tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội, giữ vững kỷ cương pháp luật, xây dựng một môi trường sống lành mạnh, nếp sống và làm việc theo pháp luật; làm giảm một cách cơ bản các loại tội phạm, phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Từng bước xây dựng môi trường sống lành mạnh tại các cộng đồng dân cư, trong các nhà trường, tạo ra những chuyển biến rõ rệt về trật tự an toàn xã hội. Nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong cộng đồng và đẩy mạnh tính chủ động, sáng tạo của các cấp cơ sở trong công tác phòng, chống tội phạm. Đặc biệt, kết hợp chặt chẽ công tác phòng ngừa và chủ động tấn công trấn áp tội phạm, trước hết là ở các địa bàn trọng điểm, các đô thị. Tổ chức giáo dục có hiệu quả đối với những người phạm tội, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập cộng đồng xã hội.

Năm là, nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự có ý nghĩa góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Khoản 2 Điều 4 BLHS năm 1999 quy định: “Các cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền

quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ pháp luật và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống XHCN; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức mình”. Để phòng ngừa tội phạm, các cơ quan, tổ chức cần thực hiện các biện pháp bảo vệ nội bộ, phát huy sức mạnh của cơ quan, tổ chức để thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, đưa công tác này vào chương trình, kế hoạch và các hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức mình.

Ngoài ra, nguyên tắc pháp chế XHCN trong luật hình sự Việt Nam còn góp phần nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận trong phạm vi quyền hạn của mình đối với việc tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng khối đoàn kết toàn dân, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, nguyên tắc pháp chế XHCN “góp phần làm chuyển biến mạnh hơn về nhận thức và ý thức trách nhiệm, khơi dậy và phát huy tính tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong phong trào toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, coi đó chính là sự chủ động bảo vệ mình, bảo vệ sự bình yên, an toàn của cả cộng đồng” [15]. Ngoài ra, để duy trì sự bền vững của phong trào này, cơ quan có thẩm quyền cần có chế độ, chính sách tốt hơn nữa đối với những người có công phát hiện, tố giác tội phạm; kịp thời biểu dương, khen thưởng và động viên kịp thời những gương người tốt, việc tốt trong phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa tội phạm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam* (Quyển I - Những vấn đề chung), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [2] Nguyễn Văn Xô (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Trẻ, Hà Nội, 2001.
- [3] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học), NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, 2002.

- [4] Lê Văn Cẩm, Sách chuyên khảo Sau đại học: *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- [5] X.X.A-lêch-xây-ép, *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta* (Người dịch: Đồng ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986.
- [6] Trịnh Tiến Việt, Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự: Những nội dung pháp lý - xã hội, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 3 (2009) 1.
- [7] C. Mác - Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập I, NXB Sự thật, Hà Nội, 1978.
- [8] Kiều Đình Thụy, *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, NXB thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
- [9] Võ Khánh Vinh, *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 1994.
- [10] Nguyễn Thành Long, *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [11] M.X. Xtrôgôvich, *Pháp luật tố tụng hình sự Xô Viết và các vấn đề nâng cao hiệu quả của nó*, NXB Khoa học, Mátxcova, 1979 (tiếng Nga).
- [12] Trịnh Tiến Việt, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn trách nhiệm hình sự theo luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.
- [13] Võ Khánh Vinh, *Lợi ích xã hội và pháp luật*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003.
- [14] *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2002.
- [15] Trần Quang Tiệp, *Các chủ thể phòng ngừa tội phạm*, Trong đề tài cấp Khoa trực thuộc: “*Lý luận về phòng ngừa tội phạm*” do TS. Trịnh Tiến Việt chủ trì, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

Concept, content and significance of the principle of socialist legal system in criminal Law of Vietnam

Doan Ngoc Xuan

*Court of Appeals, Supreme People's Court in Ho Chi Minh City,
124 Nam Ky Khoi Nghia street, Ho Chi Minh City*

The paper analyses the concept, content and significance of the principle of socialist legal system in Criminal Law of Vietnam. Based on analyses, the author asserts that the socialist legal system is not only a constitutional principle, but also the basic and most important principle of Criminal Law of Vietnam.